

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18- 3- 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quang

Bà Đặng Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đ Th H, sinh năm 1985. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Ba Hương, xã Tr Đ, huyện B Tr M, tỉnh Q N

2. *Bị đơn:* Anh L V A. Sinh năm 1985. Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản T Th, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nộp ngày 01 tháng 12 năm 2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đ Th H trình bày:

- Về tình cảm: Chị Đ Th H và anh L V A tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2006. Chị H và Anh A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr Đ, huyện B Tr M, tỉnh Q N vào ngày 29/3/2006 trên cơ sở tự

nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị H và Anh A sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Anh A nghiện ma túy, bản thân và gia đình đã khuyên nhủ anh rất nhiều lần nhưng anh không chịu sửa chữa nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Năm 2014 chị H chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ ở xã Tr Đ, huyện B Tr M, tỉnh Q N, vợ chồng chị H và Anh A sống ly thân nhau từ năm 2014. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị H có nguyện vọng được ly hôn với Anh A để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Chị Đ Th H và anh L V A có 02 con chung: Cháu L Ch T, sinh ngày 18/02/2006 hiện cháu sống cùng Anh A và ông bà nội tại bản T Th, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An; Cháu L Ch Kh, sinh ngày 26/02/2012 hiện cháu sống cùng chị H tại thôn Ba Hương, xã Tr Đ, huyện B Tr M, tỉnh Q N. Nếu ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi cháu L Ch Kh, còn cháu L Ch T do Anh A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng tiền nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị H và Anh A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 12 năm 2021 bị đơn anh L V A trình bày:

Về tình cảm: Anh A và chị Đ Th H tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2006 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr Đ, huyện B Tr M, tỉnh Q N vào ngày 29/3/2006 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn Anh A và chị H sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị H vào Q N sinh sống từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị H có nguyện vọng ly hôn với Anh A thì anh đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Anh L V A và chị Đ Th H có 02 con chung là cháu L Ch T, sinh ngày 18/02/2006 và cháu L Ch Kh, sinh ngày 26/02/2012. Hiện cháu L Ch T sống cùng Anh A và ông bà nội tại bản T Th, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Còn cháu L Ch Kh sống với chị H tại thôn Ba Hương, xã Tr Đ, huyện B Tr M, tỉnh Q N. Nếu ly hôn Anh A có nguyện vọng nuôi cháu L Ch T, còn cháu L Ch Kh do chị H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng Anh A và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2021 cháu L Ch T trình bày: Cháu Tường có nguyện vọng ở với Anh A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền

nuôi con.

Bản tự khai ngày 31/12/2021 cháu L Ch Kh trình bày: Cháu L Ch Kh có nguyện vọng ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ Th H. Về con chung giao cháu L Ch T cho anh L V A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu L Ch Kh cho chị Đ Th H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành; Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Anh A và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L V A có hộ khẩu thường trú tại bản T Th, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Đ Th H và bị đơn Anh L V A thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị H và Anh A kết hôn với nhau vào năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã Tr Đ, huyện B Tr M, tỉnh Q N cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 05/2006 ngày 29/3/2006 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Chị H và Anh A trong quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân với nhau, cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và Anh A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2. Con chung: Chị H và Anh A có 02 con chung là các cháu L Ch T, sinh ngày 18/02/2006 và cháu L Ch Kh sinh ngày 26/02/2012. Hiện cháu Tường sống với Anh A, còn cháu Khanh sống với chị H. Chị H và Anh A đều có nguyện vọng cháu Tường do Anh A chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, còn cháu Khanh do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Anh A và chị H đều không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Cháu Tường có nguyện vọng ở với Anh A, còn cháu Khanh có nguyện vọng ở với chị H.

Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của các bên là phù hợp.

3. Tài sản, nợ chung: Chị H và Anh A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí và quyền kháng cáo: Chị Đ Th H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đ Th H được ly hôn với Anh L V A.

2. Con chung:

- Giao cháu L Ch T, sinh ngày 18/02/2006 cho anh L V A chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

- Giao cháu L Ch Kh, sinh ngày 26/02/2012 cho chị Đ Th H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị H, Anh A

- Chị H, Anh A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Đ Th H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số

0010576 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND xã Tr Đ, B Tr M, Q N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Ái